

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Nghĩa-lộ, có sự thỏa thuận của Ủy ban hành chính khu tự trị Tây-bắc;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 29 tháng 9 năm 1971,

### QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay phê chuẩn việc thành lập thị xã Nghĩa-lộ thuộc tỉnh Nghĩa-lộ.

Điều 2. — Thị xã Nghĩa-lộ gồm có thị trấn Nghĩa-lộ, các bản Tông-co, Ao-sen, Tông-pọng, Pùa của xã Nghĩa-an; các bản Lê, Cang-nà, Pa-khết, Chao-thượng của xã Nghĩa-lợi; các bản Noóng, Que, Ngoa, Ten và một phần đất của bản Á-thượng của xã Nghĩa-phúc thuộc huyện Văn-chấn cùng tỉnh.

Sau khi hợp nhất, các thị trấn và bản nói trên sẽ tổ chức thành các tiểu khu hoặc khối trực thuộc thị xã Nghĩa-lộ.

Điều 3. — Ủy ban hành chính khu tự trị Tây-bắc và Ủy ban hành chính tỉnh Nghĩa-lộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội ngày 8 tháng 10 năm 1971

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

**QUYẾT ĐỊNH số 192-CP ngày 12-10-1971 về việc xác định tên gọi và nhiệm vụ của cơ quan quân sự địa phương các cấp.**

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Đề kiến toàn cơ quan quân sự địa phương các cấp, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 27 tháng 9 năm 1971,

### QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Từ nay xác định tên gọi của cơ quan quân sự địa phương các cấp như sau:

— Cấp thành phố trực thuộc Trung ương (Hà-nội, Hải-phòng): Bộ Tư lệnh;

— Cấp tỉnh: Bộ chỉ huy quân sự tỉnh;

— Cấp thành phố thuộc tỉnh, cấp thị xã, khu phố, huyện: Ban chỉ huy quân sự thành phố, thị xã, khu phố, huyện.

— Cấp xã: Ban chỉ huy xã đội.

Điều 2. — Nhiệm vụ của cơ quan quân sự địa phương các cấp quy định như sau:

— Giúp Ủy ban hành chính của cấp mình chỉ đạo toàn bộ công tác quân sự ở địa phương; tổ chức thực hiện các chỉ thị, mệnh lệnh của cơ quan quân sự cấp trên;

— Trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy mọi mặt xây dựng, tác chiến và công tác của các lực lượng vũ trang địa phương; hướng dẫn nhân dân địa phương tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, chiến đấu bảo vệ địa phương, bảo vệ Tổ quốc; tổ chức hiệp đồng với các ngành, các đoàn thể thực hiện nhiệm vụ quân sự ở địa phương.

Điều 3. — Các ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 12 tháng 10 năm 1971

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

### CÁC BỘ

#### LIÊN BỘ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM — ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP

**THÔNG TƯ liên bộ số 3-TT/LB ngày 23-8-1971 về việc cho vay vốn đối với các tổ chức lao động sản xuất ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp.**

Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ thị số 237-TTg ngày 1-12-1970 về việc tổ chức lao động sản

xuất trong các trường phổ thông, đại học và trung học chuyên nghiệp. Mục đích lao động sản xuất trong các trường học là nhằm :

a) Thông qua lao động sản xuất để rèn luyện ý thức, thói quen và kỹ năng lao động, củng cố và phát huy kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật thu nhận ở lớp học, tăng thêm thể lực cho học sinh, phục vụ cho việc dạy tốt, học tốt, bảo đảm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

b) Động viên và tổ chức một cách hợp lý lực lượng lao động to lớn của nhà trường, thiết thực góp phần tăng thêm của cải vật chất và từng bước cải thiện điều kiện học tập, giảng dạy và sinh hoạt của học sinh, giáo viên và các cán bộ, nhân viên khác trong nhà trường.

Đề tạo điều kiện cho các trường tổ chức lao động sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hóa, liên Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp và Ngân hàng Nhà nước Việt-nam quy định những nguyên tắc, thể thức cho vay vốn đối với các trường đại học và trung học chuyên nghiệp như sau.

## I. NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC VAY VỐN

a) Những cơ sở được vay vốn phải tôn trọng những nguyên tắc cơ bản của tín dụng ngân hàng : dùng tiền vay theo đúng mục đích đã định và chỉ được nhận tiền vay theo mức độ thực hiện kế hoạch sản xuất ; có giá trị vật tư tương đương làm đảm bảo vốn vay ; đảm bảo hiệu quả kinh tế và trả nợ Ngân hàng đầy đủ, đúng kỳ hạn.

b) Những điều kiện cơ bản được Ngân hàng Nhà nước cho các cơ sở vay vốn :

— Có kế hoạch sản xuất vững chắc, có lao động và kỹ thuật sản xuất phù hợp với năng lực sản xuất của trường, có hợp đồng gia công, đặt hàng, có hợp đồng kinh tế về cung cấp nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm ổn định, bảo đảm sản xuất có lãi.

— Kế hoạch sản xuất, kỹ thuật và tài vụ của các cơ sở sản xuất phải được Bộ, Tổng cục chủ quản xét duyệt (nếu là trường do trung ương quản lý) và phải được Ủy ban hành chính

tỉnh, thành phố (nếu là trường do địa phương quản lý) với sự tham gia của Ngân hàng Nhà nước nơi vay vốn. Trước mỗi kỳ kế hoạch các cơ sở vay vốn phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước các bản kế hoạch sản xuất, kỹ thuật, tài vụ và sau mỗi kỳ kế hoạch hàng tháng, quý và năm phải báo cáo về tình hình thực hiện các kế hoạch ấy cho Ngân hàng.

— Các tổ chức sản xuất của trường phải có tổ chức kế toán và bảng cân đối tài khoản, được mở tài khoản thanh toán, tài khoản vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước nơi vay vốn ; phải thực hiện chế độ kế toán tài vụ và chế độ sử dụng thành quả lao động sản xuất do Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp và Bộ Tài chính ban hành. Hiệu trưởng và kế toán trưởng của trường phải chịu trách nhiệm thi hành các chính sách, chế độ kế toán tài vụ.

— Tất cả những nhu cầu vốn của trường để mua sắm máy móc, thiết bị, dụng cụ, nhà xưởng, mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng vào việc phục vụ cho giảng dạy, thực tập, thí nghiệm và mỗi nhu cầu vốn cho phòng thiết kế, đối khảo sát hoạt động đều thuộc đối tượng ngân sách Nhà nước cấp phát. Ngân hàng Nhà nước chỉ cho các cơ sở nói dưới đây vay vốn để kinh doanh sản xuất ra sản phẩm hàng hóa bán ra ngoài.

## II. ĐỐI TƯỢNG CHO VAY

1. Đối với các cơ sở tổ chức phục vụ giảng dạy, học tập ở trường vì đã có sẵn phương tiện máy móc, dụng cụ đồ nghề, nay sử dụng các thứ đó để làm thêm nhiệm vụ sản xuất hàng hóa theo hình thức ký hợp đồng với cơ quan gia công hoặc đặt hàng.

Ngân hàng Nhà nước cho các cơ sở sản xuất này vay một số vốn lưu động cần thiết để dự trữ vật tư và chi phí sản xuất theo hợp đồng ký với các cơ quan gia công hoặc đặt hàng gồm các đối tượng sau đây :

- Nguyên vật liệu chính,
- Vật liệu phụ,
- Nhiên liệu,
- Bao bì đóng gói,
- Chi trả tiền thuê gia công một số chi tiết với bên ngoài.

## 2. Đối với cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp do trường tự tổ chức.

Ngân hàng Nhà nước cho vay các đối tượng sau đây :

- Về dài hạn : thiết bị lẻ và công cụ sản xuất;
- Về ngắn hạn : nguyên liệu chính và phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, bao bì đóng gói, vật rẻ tiền mau hỏng trực tiếp phục vụ cho sản xuất.

## 3. Đối với cơ sở sản xuất nông nghiệp do trường tự tổ chức.

Ngân hàng Nhà nước cho vay theo tinh thần thông tư số 562-TDNT ngày 5-12-1967 của Ngân hàng Nhà nước. Trong điều kiện các trường đang ở nơi sơ tán thì việc cho vay nông nghiệp cần được cân nhắc tính toán kỹ lưỡng các mặt về đất đai, chuồng trại, thời gian, v.v... nhằm sản xuất có hiệu quả kinh tế đảm bảo trả nợ theo đúng thời hạn quy định.

## III. THỜI HẠN CHO VAY, THU NỢ, LÃI SUẤT TIỀN VAY

### a) Cho vay dài hạn mua sắm thiết bị và công cụ sản xuất :

Thời hạn cho vay tối đa là 3 năm. Việc thu nợ sẽ tiến hành theo kỳ hạn ghi trong khế ước vay tiền trên cơ sở 100% vốn khấu hao cơ bản tài sản cố định do Ngân hàng Nhà nước cho vay và một phần tích lũy hàng năm để đảm bảo trả hết nợ trong thời hạn đã quy định.

### b) Cho vay ngắn hạn (vốn lưu động) :

Ngân hàng Nhà nước cho vay dự trữ nguyên nhiên vật liệu và chi phí sản xuất căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kế hoạch dự trữ, kế hoạch chi trả tiền thuê gia công với bên ngoài, chu kỳ sản xuất và hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của cơ sở sản xuất để tính toán cho vay và ấn định số thu nợ thích hợp.

— Đối với nguyên nhiên vật liệu cung cấp theo thời vụ, thời hạn tối đa không quá 12 tháng.

— Đối với các loại nguyên vật liệu khác, thời hạn cho vay từ 3, 4 đến 6 tháng là tối đa.

e) Mức lãi suất cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn đều tính 0,24% một tháng (theo nghị định số 94-TTg ngày 10-10-1964 của Hội đồng Chính phủ).

## IV. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ VAY VỐN

Hiệu trưởng các trường là người chủ tài khoản có tư cách pháp nhân vay vốn và chịu trách nhiệm quản lý sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả kinh tế và bảo đảm trả nợ đầy đủ, đúng kỳ hạn cho Ngân hàng Nhà nước. Đơn vị vay vốn phải tính toán rành mạch mỗi khoản tiền vay, không được sử dụng vốn nợ sang vốn kia và chịu sự giám đốc việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng trực tiếp cho vay.

Các đơn vị trường không được tự động thay đổi kế hoạch sản xuất, trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh kế hoạch thì kịp thời báo cáo cho cấp xét duyệt kế hoạch và đồng gửi các cơ quan ngân hàng nơi cho vay biết. Khi được cấp xét duyệt kế hoạch chuẩn y việc điều chỉnh kế hoạch mới được thực hiện theo kế hoạch mới.

Mối quan hệ giao dịch trong kinh doanh sản xuất như cung cấp tiêu thụ phải ký kết hợp đồng kinh tế cụ thể, hợp đồng gia công, hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm với các tổ chức kinh tế Nhà nước hay các hợp tác xã. Phải thực hiện hợp đồng một cách nghiêm chỉnh. Mỗi hợp đồng phải gửi cho Hội đồng trọng tài cấp trên và Ngân hàng nơi vay vốn.

Đơn vị vay vốn phải tính toán hiệu quả kinh tế của vốn vay, phần đầu có lãi. Trường hợp cá biệt có mặt hàng sản xuất nào nhất thời không may bị lỗ vốn thì trường phải dùng lãi của các mặt hàng sản xuất khác để bù vào, nếu bù vẫn không đủ thì trường phải cam kết với Ngân hàng có biện pháp bù cứu trong một thời gian ngắn, tiến lên có lãi để đảm bảo trả nợ cho ngân hàng đúng kỳ hạn. Nếu trường không có biện pháp khắc phục lỗ, đảm bảo trả nợ đúng kỳ hạn, ngân hàng không tiếp tục cho vay.

Thông tư liên Bộ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 9 năm 1971.

Trong quá trình thi hành, nếu có điểm nào mắc mứn, gặp khó khăn, yêu cầu các ngân hàng địa phương và các trường kịp thời báo cáo về liên Bộ nghiên cứu giải quyết.

Hà-nội, ngày 23 tháng 8 năm 1971

K.T. Tổng giám đốc  
Ngân hàng Nhà nước Việt-nam  
**Phó Tổng giám đốc**  
**ĐINH VĂN BẦY**

K.T. Bộ trưởng Bộ Đại học  
và trung học chuyên nghiệp  
**Thủ trưởng**  
**HOÀNG XUÂN TÙY**

## LIÊN BỘ TÀI CHÍNH — NỘI THƯƠNG

### THÔNG TƯ số 28-LB/TT ngày 9-9-1971 hướng dẫn thi hành việc trợ cấp nhà ăn tập thể.

Theo chỉ thị số 2546-VP7 ngày 10-8-1971, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định sửa đổi nâng mức trợ cấp kinh phí nhà ăn tập thể từ 1đ80/một người/một tháng lên 2đ80 hoặc 3đ00/một người/một tháng ;

Liên Bộ Tài chính — Nội thương hướng dẫn việc thi hành chỉ thị trên như sau.

#### I. TRỢ CẤP NHÀ ĂN TẬP THỂ

1. Việc nâng mức trợ cấp cho công nhân, viên chức Nhà nước, học sinh, sinh viên các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, học sinh các trường lớp công nhân học nghề ăn tại nhà ăn tập thể nhằm đảm bảo các chi phí quản lý nhà ăn, để tạo điều kiện cho nhà ăn tập thể tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng phục vụ bữa ăn.

— Mức trợ cấp 3đ00/một người/một tháng áp dụng cho các nhà ăn tập thể ở các thành phố (Hà-nội, nội thành Hải-phòng), các khu công nghiệp tập trung (khu gang thép Thái-nguyên, các khu công nghiệp Việt-trì, Thác-bà, Nam-định,

các khu mỏ ở Quảng-ninh) và các địa phương có phụ cấp khu vực từ 100% trở lên ;

— Mức trợ cấp 2đ80/một người/một tháng áp dụng cho các nhà ăn tập thể ở các địa phương khác.

2. Các nhà ăn tập thể nói ở trên bao gồm :  
— Các nhà ăn do ngành nội thương quản lý,  
— Các nhà ăn do các cơ quan, xí nghiệp, trường học tự quản lý,  
— Các quán ăn đường phố như tổ hợp tác, tổ phục vụ... được ngành nội thương cho phép đăng ký **nấu cơm tháng** và chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của ngành nội thương.

3. Công nhân, viên chức Nhà nước do điều kiện công tác phân tán mà số người quá ít không đủ tiêu chuẩn để sử dụng một cấp dưỡng, không có điều kiện tổ chức ăn ghép với cơ quan, xí nghiệp gần nhất, và tại nơi đó không có cửa hàng ăn của ngành ăn uống, thì cũng được trợ cấp theo tiêu chuẩn 2đ80 — 3đ00 để tự tổ chức việc nấu ăn.

Khoản trợ cấp này không áp dụng đối với công nhân viên chức có gia đình đi theo và ăn cơm ở gia đình.

4. Ngoài khoản trợ cấp của Nhà nước cho nhà ăn tập thể, công nhân viên chức ăn ở nhà ăn tập thể vẫn phải đóng góp cho nhà ăn một số tiền bằng 5% mức ăn, do nhà ăn tập thể trích trong số tiền ăn hàng tháng, để chi về quản lý nhà ăn.

Đối với học sinh, sinh viên ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, các trường lớp công nhân học nghề có tổ chức nội trú, không phải đóng khoản 5% này, khoản này do ngân sách Nhà nước cấp phát cho nhà ăn tập thể.

5. Gia đình công nhân, viên chức gồm bố mẹ già (bố 60 tuổi, mẹ 55 tuổi trở lên), vợ hoặc chồng mất sức lao động không có thu nhập, và con (con dưới 16 tuổi hoặc dưới 18 tuổi nếu đang đi học, con bị thương tật, mất sức lao động), mà trước ngày ban hành thông tư này, đã là khách ăn ở nhà ăn tập thể, tạm thời, ngoài việc đóng góp số 5% trích vào mức ăn, vẫn chỉ phải đóng góp 1 đồng/một người/một tháng, còn khoản chênh lệch giữa mức trợ cấp 2đ80 hay 3đ00 cho nhà ăn với mức đóng góp 1 đồng này thì do ngân sách Nhà nước trợ cấp cho nhà ăn tập thể.